BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Số: **87** /TB-ĐHSĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Ngưỡng bảo đảm chất lượng và bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2026

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDĐH ngày 06/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026, điểm học tập bậc trung học phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-ĐHSĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc ban hành Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy Trường Đại học Sao Đỏ ngày 08/7/2026 về việc xác định ngưỡng bảo đảm chất lượng và bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2026;

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Sao Đỏ thông báo ngưỡng bảo đảm chất lượng và bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2026, cụ thể như sau:

1. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

TT	Mã ngành	Tên ngành/chương trình đào tạo	Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào				
			Theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT 2026	Theo kết quả điểm học tập cấp THPT	Theo kết quả kết hợp giữa điểm thi TN 2026 THPT và điểm học tập cấp THPT	Theo kết quả điểm đánh ĐGNL của ĐH QGHN	Theo kết quả điểm ĐGTD của ĐH BKHN
1	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
2	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92

TT	Mã ngành	Tên ngành/ chương trình đào tạo	Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào				
			Theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT 2026	Theo kết quả điểm học tập cấp THPT	Theo kết quả kết hợp giữa điểm thi TN 2026 THPT và điểm học tập cấp THPT	Theo kết quả điểm đánh ĐGNL của ĐH QGHN	Theo kết quả điểm ĐGTD của ĐH BKHN
3	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
4	7540204	Công nghệ dệt, may	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
5	7480201	Công nghệ thông tin	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
6	7480107	Trí tuệ nhân tạo	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
7	7460112	Toán ứng dụng	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
8	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
9	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
10	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
11	7340301	Kế toán	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
12	7340101	Quản trị kinh doanh	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
13	7340122	Thương mại điện tử	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
14	7340201	Tài chính - Ngân hàng	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
15	7310109	Kinh tế số	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
17	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
18	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	15,00	18,00	17,00	54,00	38,92
19	7380101	Luật	20,00	21,00	20,50	69,00	46,66
20	7140234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	20,00	24,00	22,00	69,00	46,66
21	7140246	Sư phạm công nghệ	20,00	24,00	22,00	69,00	46,66

2. Bảng quy đổi điểm tương đương giữa các phương thức xét tuyển

- Bảng quy đổi tương đương điểm xét tuyển theo học bạ THPT, điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp sang điểm chuẩn tốt nghiệp THPT năm 2026:

STT	Ngành	Ngưỡng điểm xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT (DT)	Độ lệch khoảng điểm xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT (Δ3)	Ngưỡng điểm xét tuyển theo học bạ THPT (HB)	Độ lệch khoảng điểm xét tuyển theo học bạ THP (Δ1)	Ngưỡng điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp (KH)	Độ lệch khoảng điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp (Δ2)
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	15,00	3,00	18,00	2,40	17,00	2,60
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử						
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí						
4	Công nghệ dệt, may						
5	Công nghệ thông tin						
6	Trí tuệ nhân tạo						
7	Toán ứng dụng						
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa						
9	Kỹ thuật cơ điện tử						
10	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng						
11	Kế toán						
12	Quản trị kinh doanh						
13	Thương mại điện tử						
14	Tài chính - Ngân hàng						
15	Kinh tế số						
16	Ngôn ngữ Anh						
17	Ngôn ngữ Trung Quốc						
18	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành						
19	Luật	20,00	2,00	21,00	1,80	20,50	1,90
20	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	20,00	2,00	24,00	1,20	22,00	1,60
21	Sư phạm công nghệ						

- Quy đổi tương đương điểm xét tuyển theo học bạ THPT sang điểm chuẩn tốt nghiệp THPT năm 2026 được tính theo công thức:

$$A = DT + \frac{(X - HB)}{\Delta 1} \times \Delta 3$$

Trong đó:

A: là điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh

X: là điểm xét tuyển theo học bạ của thí sinh

HB: là ngưỡng điểm xét tuyển theo học bạ THPT

DT: là ngưỡng điểm xét tuyển thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Δ1: là độ lệch khoảng điểm xét tuyển theo học bạ THPT

Δ3: là độ lệch khoảng điểm xét tuyển thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Quy đổi tương đương điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp sang điểm chuẩn tốt nghiệp THPT năm 2026 được tính theo công thức:

$$B = DT + \frac{(Y - KH)}{\Delta 2} \times \Delta 3$$

Trong đó:

B: là điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh

Y: là điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp của thí sinh

KH: là ngưỡng điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp

DT: là ngưỡng điểm xét tuyển thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Δ2: là độ lệch khoảng điểm xét tuyển theo phương thức kết hợp

Δ3: là độ lệch khoảng điểm xét tuyển thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Ví dụ:

1. Điểm học bạ THPT của thí sinh là 23,80 (X=23,80);

- Thí sinh xét tuyển ngành Kỹ thuật cơ điện tử. Điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh (A) được tính như sau:

$$A = 15{,}00 + \frac{(23{,}80 - 18{,}00)}{2{,}40} \times 3{,}00 = 22{,}25$$

- Thí sinh xét tuyển ngành Luật. Điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh (A) được tính như sau:

$$A = 20{,}00 + \frac{(23{,}80 - 21{,}00)}{1{,}80} \times 2{,}00 = 23{,}11$$

- Thí sinh xét tuyển ngành Sư phạm Tiếng Trung Quốc. Điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh (A) được tính như sau:

$$A = 20{,}00 + \frac{(23{,}80 - 24{,}00)}{1{,}20} \times 2{,}00 = 19{,}67$$

2. Điểm theo phương thức kết hợp của thí sinh là 24,00 (Y=24,00);

- Thí sinh xét tuyển ngành Kỹ thuật cơ điện tử. Điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh (B) được tính như sau:

$$B = 15{,}00 + \frac{(24{,}00 - 17{,}0)}{2{,}60} \times 3{,}00 = 23{,}08$$

- Thí sinh xét tuyển ngành Luật. Điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh (B) được tính như sau:

$$B = 20{,}00 + \frac{(24{,}00 - 20{,}50)}{1{,}90} \times 2{,}00 = 23{,}68$$

- Thí sinh xét tuyển ngành Sư phạm Tiếng Trung Quốc. Điểm chuẩn quy đổi tương đương tốt nghiệp THPT năm 2026 của thí sinh (B) được tính như sau:

$$B = 20{,}00 + \frac{(24{,}00 - 22{,}00)}{1{,}60} \times 2{,}00 = 22{,}50$$

Thí sinh tra cứu quy đổi tương đương điểm xét tuyển theo học bạ THPT sang điểm chuẩn tốt nghiệp THPT năm 2026 tại đường link: http://tuyensinh.saodo.edu.vn/quydoi.php

- Phương thức xét tuyển theo kết quả Đánh giá năng lực (HSA) của Đại học Quốc gia Hà Nội hoặc kết quả Đánh giá tư duy (TSA) của Đại học Bách khoa Hà Nội: Bảng quy đổi điểm tương đương sử dụng theo kết quả quy đổi do các đơn vị chủ trì tổ chức (*Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Bách khoa Hà Nội*) công bố như sau:

+ Bảng quy đổi điểm tương đương sử dụng kết quả Đánh giá năng lực (HSA) của Đại học Quốc gia Hà Nội sang điểm chuẩn tốt nghiệp THPT năm 2026:

HSA	Điểm thi THPT
130	30,00
129	29,98
128	29,77
127	29,75
126	29,73
125	29,51
124	29,49
123	29,27
122	29,25
121	29,23
120	29,01
119	28,98
118	28,75
117	28,51
116	28,48
115	28,26
114	28,23
113	28,00
112	27,77
111	27,74
110	27,51
109	27,48
108	27,24
107	27,01
106	26,98
105	26,75

HSA	Điểm thi THPT
104	26,52
103	26,49
102	26,26
101	26,02
100	26,00
99	25,77
98	25,73
97	25,50
96	25,35
95	25,25
94	25,02
93	24,99
92	24,76
91	24,62
90	24,49
89	24,26
88	24,11
87	23,99
86	23,77
85	23,62
84	23,50
83	23,27
82	23,11
81	22,98
80	22,75
79	22,51

HSA	Điểm thi THPT
78	22,33
77	22,11
76	21,98
75	21,73
74	21,48
73	21,23
72	20,97
71	20,61
70	20,33
69	20,08
68	19,76
67	19,50
66	19,12
65	18,83
64	18,50
63	18,18
62	17,77
61	17,48
60	17,11
59	16,76
58	16,45
57	16,09
56	15,75
55	15,37
54	15,09

+ Bảng quy đổi điểm tương đương sử dụng kết quả Đánh giá tư duy (TSA) của Đại học Bách khoa Hà Nội sang điểm chuẩn tốt nghiệp THPT năm 2026:

TSA	Điểm thi THPT
97,05	29,75
82,76	29,50
79,94	29,25
77,72	29,00
76,50	28,75
73,77	28,50
71,85	28,25
70,59	28,00
69,44	27,75
67,94	27,50
66,70	27,25
65,71	27,00
64,40	26,75
63,68	26,50
62,57	26,25
61,67	26,00
60,84	25,75

TSA	Điểm thi THPT
60,56	25,60
59,70	25,50
58,95	25,25
58,72	25,10
58,01	25,00
57,36	24,75
57,10	24,60
56,65	24,50
56,45	24,45
55,81	24,25
55,60	24,10
54,95	24,00
54,33	23,75
53,68	23,50
53,43	23,35
53,01	23,25
52,79	23,10

TSA	Điểm thi THPT
52,37	23,00
52,15	22,85
51,71	22,75
51,25	22,50
51,03	22,35
50,80	22,25
50,55	22,10
50,30	22,00
50,07	21,85
49,82	21,75
49,55	21,60
49,26	21,50
48,98	21,35
48,72	21,25
48,47	21,10
48,19	21,00
47,91	20,75

TSA	Điểm thi THPT
47,60	20,60
47,29	20,50
46,97	20,25
46,66	20,10
46,30	19,95
45,92	19,75
45,50	19,50
45,07	19,25
44,64	19,00
44,16	18,75
43,63	18,35
43,07	18,00
42,46	17,60
41,77	17,25
41,00	16,75
40,08	16,25
38,92	15,60

3. Thí sinh đăng ký xét tuyển và tra cứu kết quả đăng ký xét tuyển trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường tại: http://tuyensinh.saodo.edu.vn

4. Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển đại học trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn/

Thời gian đăng ký: **từ ngày 02/7/2026 đến 17h00 ngày 14/7/2026**

Để tăng cơ hội trúng tuyển vào ngành học theo nguyện vọng, thí sinh nên đặt **nguyện vọng 1** là ngành học đăng ký tại Trường Đại học Sao Đỏ (mã trường SDU)

Thí sinh xác nhận nhập học trên cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước 17h00 ngày 21/8/2026.

5. Thời gian dự kiến nhập học: từ ngày 13/8/2026 ÷ 16/8/2026.

Thông tin liên hệ:

Phòng Đào tạo và Tuyển sinh - Trường Đại học Sao Đỏ

Số 76 Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng

Điện thoại/Zalo: 0862 15 05 69; 0838 15 05 69; 0981 116 388

Website: https://saodo.edu.vn Facbook: Trường Đại học Sao Đỏ.

Nơi nhận:
- Hội đồng tuyển sinh;
- Website Trường (để công bố);
- Lưu VT, ĐT&TS.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đỗ Văn Đỉnh